TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1151/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

Thư ký phiên toà: Ông Võ Công Danh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tác P, sinh năm: 1993 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ M, ấp N, xã P, huyện T, Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2021, bản tự khai ngày 09 tháng 3 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Tác P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014 ông và bà Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tình cảm. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2019, không còn đi lại, liên lạc với nhau. Hiện ông không còn tình cảm với bà T,

cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn nghiêm trọng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Nguyễn Thanh T đã được Tòa án nhân dân huyện H triệu tập và tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng không có ý kiến đồng thời vắng mặt tại các phiên họp mà không có lý do và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Tác P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là bà Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Việc ông Nguyễn Tác P yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thanh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bởi nguyên đơn và bị đơn mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn tự khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thanh T nhưng bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P đồng thời vắng mặt tại các phiên họp mà không có lý do và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên giữa các đương sự không thống nhất được bất kỳ nội dung nào của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Tác P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Thanh T. Bà Nguyễn Thanh T cư trú tại ấp T, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp là Ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Nguyên đơn là ông Nguyễn Tác P và bị đơn là bà Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tác P và bà Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H ngày 15/01/2014 (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 7-KH ngày 15/01/2014) nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T là hợp pháp, quyền lợi của các bên được pháp luật bảo vệ.

[3.2]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Tác P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không còn tình cảm. Vì mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2019.

[3.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã nhiều lần giải thích, động viên ông P đoàn tụ gia đình, cùng bà T hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng ông P cho rằng hai vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2019, không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc đến nhau, bản thân ông không còn tình cảm với bà T, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

[3.4]. Về phần bà T, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện H tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đồng thời vắng mặt tại các phiên họp mà không có lý do và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Trong suốt thời gian 02 vợ chồng sống ly thân cũng như thời gian ông P nộp đơn yêu cầu ly hôn, bà T cũng không có bất cứ động thái nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, xây dựng hạnh phúc gia đình. Điều này chứng tỏ bà T cũng không còn mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân này để vợ chồng cùng vun đắp, xây dựng hạnh phúc gia đình.

[3.5]. Nhận thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, giữa ông P và bà T

đã trải qua thời gian dài không chung sống với nhau, không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc đến nhau, mỗi người đều chỉ lo cuộc sống riêng của mình. Như vậy, ông P, bà T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.6]. Xét mâu thuẫn chung giữa ông P và bà T đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông P yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về con chung: Ông Nguyễn Tác P khai ông và bà Nguyễn Thanh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Tác P xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Nguyễn Tác P là người nộp đơn yêu cầu ly hôn đối với bà Nguyễn Thanh T nên ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tác P đối với bà Nguyễn Thanh T:

2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tác P được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 7-KH, đăng ký kết hôn giữa ông Nguyễn Tác P và bà Nguyễn Thanh T ngày 15/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh không còn hiệu lực khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Ông Nguyễn Tác P khai ông và bà Nguyễn Thanh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Tác P xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tác P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2021/0038852 ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Nguyễn Tác P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H.H, TP.HCM;
- Chi cục THADS H. H;
- UBND xã X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huy